

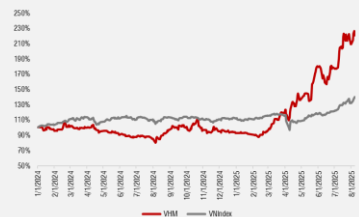
Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM: HOSE)

Ngày báo cáo: 11/08/2025
NGÀNH: BẤT ĐỘNG SẢN
Trưởng nhóm: Phạm Hoàng Bảo Nga
Email: ngaphb@ssi.com.vn
Tel: +84-24 3936 6321

Khuyến nghị: **TRUNG LẬP**
Giá mục tiêu 1Y: 98.300 Đồng
Giá CP ngày 08/08/2025: 94.800 Đồng
% Tăng giá: +3,7%

Giá trị vốn hoá (triệu USD): 14.862
Giá trị vốn hoá (tỷ VND): 389.383
Số cổ phiếu lưu hành (triệu): 4.107
KLGD trung bình 3 tháng (cp): 7.664.841
Giá cao/thấp nhất 52T (NĐ): 97,5/36,4
GTGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng): 575,8
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%): 10,4
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%): 0

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: Bloomberg

Thông tin cơ bản về công ty

Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM) được thành lập vào năm 2008, là công ty đầu tư bất động sản lớn nhất tại Việt Nam. Tính đến Q2/2024, VHM có quỹ đất với diện tích 30 triệu m² đất tại các dự án đã triển khai và 170 triệu m² đất tại các dự án sắp triển khai.

Doanh số bán hàng tăng tốc nhờ các dự án quy mô lớn

Luận điểm đầu tư: Chúng tôi hạ khuyến nghị đối với VHM từ **KHẢ QUAN** xuống **TRUNG LẬP** sau đợt tăng giá mạnh gần đây, đồng thời giữ nguyên giá mục tiêu ở mức **98.300 đồng/cổ phiếu**. Triển vọng dài hạn của VHM vẫn tích cực nhờ vị thế là nhà phát triển bất động sản hàng đầu cả nước, với quỹ đất lớn và năng lực triển khai dự án đã được chứng minh qua các dự án quy mô lớn.

Động lực doanh số bán hàng: Doanh số bán hàng năm 2025 dự kiến tăng mạnh 32% svck, đạt 137,6 nghìn tỷ đồng, nhờ hoạt động bán hàng tích cực tại các dự án đang triển khai và đóng góp của các dự án sắp mở bán như **Royal Island, Wonder City, Green City, Golden City, Green Paradise và Làng Vân**. Sang năm 2026, doanh số bán hàng dự báo tăng trưởng 6% svck đạt 146 nghìn tỷ đồng, với các dự án mới như **Apollo City và Phước Vĩnh Tây**.

Triển vọng lợi nhuận:

- Năm 2025:** Doanh thu ước đạt 109,1 nghìn tỷ đồng (+6,6% svck) và lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ (NPATMI) đạt 35,9 nghìn tỷ đồng (+12,8% svck).
- Năm 2026:** Doanh thu dự kiến đạt 127,9 nghìn tỷ đồng (+17,3% svck) và NPATMI đạt 38,8 nghìn tỷ đồng (+8,3% svck), được hỗ trợ nhờ doanh số bán hàng từ các dự án quy mô lớn.

Động lực ngắn hạn: Tích cực

- Doanh số bán hàng tăng tốc nhờ mở bán các dự án mới có quy mô lớn và đẩy mạnh hoạt động bán lẻ lớn trong nửa cuối 2025.
- Lợi nhuận nửa cuối 2025 cải thiện nhờ lượng backlog chưa ghi nhận lớn và ghi nhận doanh thu từ các giao dịch bán lẻ lớn.

Rủi ro chính:

- Việc mở bán dự án không đúng tiến độ có thể ảnh hưởng đến doanh số bán hàng.
- Nhu cầu yếu hơn tại các tỉnh/thành phố cấp 2 có thể ảnh hưởng đến tỷ lệ hấp thụ tại các dự án.

Tỷ đồng	2022	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu thuần	62.393	103.557	102.323	109.122	127.980
Tăng trưởng doanh thu thuần	-26,6%	66,0%	-1,2%	6,6%	17,3%
Lợi nhuận gộp	30.696	35.707	32.967	43.948	56.803
Biên lợi nhuận gộp	49,20%	34,50%	32,20%	40,30%	44,40%
LNTT	38.643	43.310	40.848	46.067	49.890
Lợi nhuận ròng	29.162	33.533	35.073	39.553	42.836
Tăng trưởng LN ròng	-25,1%	15,0%	4,6%	12,8%	8,3%
Biên LN ròng	46,74%	32,38%	34,28%	36,25%	33,47%
EPS (VND)	6.621	7.664	7.742	8.732	9.456
ROA	9,85%	8,32%	6,95%	6,74%	6,58%
ROE	20,81%	20,25%	17,39%	16,44%	15,21%
P/E	7,2	5,6	5,2	11,2	10,3
P/B	1,4	1,0	0,8	1,7	1,4
EV/EBITDA	5,4	5,2	4,9	8,1	7,4

Nguồn: VHM, SSI Research

KQKD Q2/25: Lợi nhuận tăng mạnh so với quý trước nhưng giảm so với cùng kỳ

Tỷ đồng	2Q25	2Q24	YoY	1Q25	QoQ	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận			
							2Q25	2Q24	1Q25	2024
Doanh thu thuần	19.022	28.375	-33,0%	15.698	21,2%	25,0%				
Lợi nhuận gộp	4.524	8.688	-47,9%	5.158	-12,3%		23,8%	30,6%	32,9%	31,8%
Lợi nhuận hoạt động	10.194	12.756	-20,1%	6.120	66,6%		53,6%	45,0%	39,0%	44,9%
EBIT	11.914	14.385	-17,2%	7.481	59,3%		62,6%	50,7%	47,7%	47,2%
EBITDA	12.404	14.755	-15,9%	7.970	55,6%		65,2%	52,0%	50,8%	48,8%
LNTT	9.106	12.343	-26,2%	3.839	137,2%		47,9%	43,5%	24,5%	40,0%
LNST	8.348	10.716	-22,1%	2.652	214,8%	26,2%	43,9%	37,8%	16,9%	34,3%
LNST thuộc về cổ đông công ty mẹ	7.553	10.891	-30,6%	2.689	180,9%		39,7%	38,4%	17,1%	30,9%

Nguồn: VHM, SSI Research

Trong Q2/25, VHM ghi nhận 19 nghìn tỷ đồng doanh thu thuần (+21,2% so với quý trước & -33% svck) và NPATMI đạt 7,6 nghìn tỷ đồng (+180,9% so với quý trước & -30,6% svck). Biên lợi nhuận gộp đạt 23,8%, giảm so với mức 32,9% trong Q1/25 và 30,6% trong Q2/24. Kết quả này đến từ:

- Doanh thu bán bất động sản đạt 9,9 nghìn tỷ đồng (+37,5% so với quý trước & -44,4% svck), chủ yếu từ bàn giao tại Ocean Park 2 và 3 (đóng góp 5,1 nghìn tỷ đồng). Biên lợi nhuận gộp mảng bất động sản đạt 33,5%, tăng so với 26,3% trong Q1/25 nhưng giảm so với 43,6% trong Q2/24, do thay đổi cơ cấu sản phẩm bàn giao.
- Doanh thu dịch vụ xây dựng đạt 4,1 nghìn tỷ đồng (+78,3% so với quý trước & -46,1% svck).
- Doanh thu tài chính đạt 9,2 nghìn tỷ đồng (+97,2% so với quý trước & +13,2% svck), trong đó: (i) lợi nhuận chia từ dự án Royal Island – hợp đồng BCC với Vingroup đạt 1,4 nghìn tỷ đồng; (ii) thu nhập tài chính khác đạt 5,4 nghìn tỷ đồng, chủ yếu từ khoản bồi thường từ đối tác.

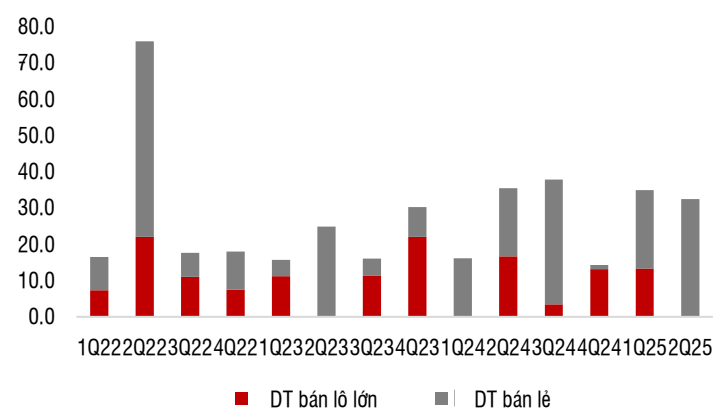
Lũy kế nửa đầu năm 2025, doanh thu điều chỉnh của VHM (bao gồm doanh thu từ các dự án BCC với Vingroup) là 45 nghìn tỷ đồng (-6% svck) và NPATMI đạt 10,2 nghìn tỷ đồng (-13% svck), hoàn thành 26,2% kế hoạch lợi nhuận năm và 28% dự báo của chúng tôi.

Doanh số bán hàng trong Q2/25: Hai dự án mới Golden City và Green City ghi nhận tỷ lệ hấp thụ tốt

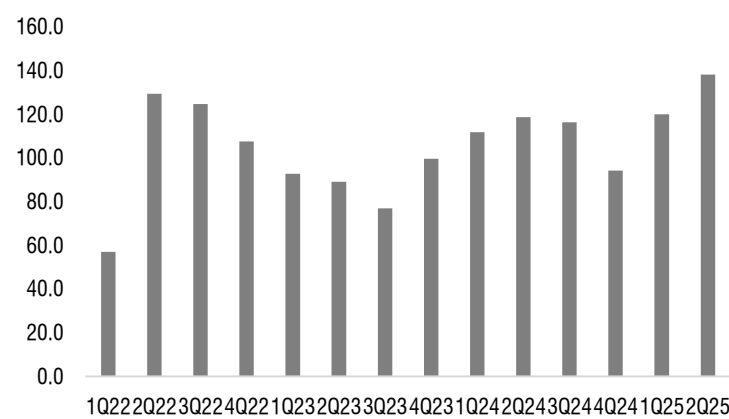
Trong Q2/25, VHM ghi nhận doanh số bán hàng là 32,5 nghìn tỷ đồng (-7% so với quý trước & -8% svck), toàn bộ đến từ hoạt động bán lẻ. Các dự án đóng góp chính gồm Wonder City, Royal Island và hai dự án mới mở bán ngày 26-27/6: Golden City (Dương Kinh, Hải Phòng - 241ha) và Green City (Hậu Nghĩa, Long An - 197ha). Hai dự án này ghi nhận tỷ lệ hấp thụ cao với 550 căn tại Golden City và 790 căn tại Green City được bán chỉ trong 5 ngày mở bán vào tháng 6, tương đương 27% tổng số căn mở bán, nhờ vị trí chiến lược và điều kiện thị trường thuận lợi tại Hải Phòng và Long An (trước sáp nhập).

Lũy kế nửa đầu năm 2025, giá trị bán hàng tăng 31% svck đạt 67,5 nghìn tỷ đồng, và đạt 49% dự báo cả năm của chúng tôi, trong đó Wonder City và Royal Island đóng góp 78%, còn Green City và Golden City đóng góp 12%. Doanh thu đã bán chưa ghi nhận tính đến cuối Q2/25 đạt 138,2 nghìn tỷ đồng (+16% svck), với đóng góp chính từ Royal Island (30%), Wonder City (29%), Ocean Park 2-3 (10%), đảm bảo tăng trưởng lợi nhuận khả quan cho nửa cuối năm 2025 và năm 2026.

Biểu đồ 1: Doanh số bán hàng theo quý của VHM từ 2022-2025 (nghìn tỷ đồng)



Biểu đồ 2: Doanh thu chưa ghi nhận của VHM giai đoạn 2022-2025 (nghìn tỷ đồng)



Nguồn: VHM, SSI Research

Cập nhật dự án của VHM

STT	Dự án	Vị trí (trước sáp nhập)	Quy mô (ha)	Chủ đầu tư đã đăng ký	Lợi ích kinh tế của VHM	Thời gian mở bán	% bán hàng lũy kế
1	Ocean Park 1	Gia Lâm, Hà Nội	420	VHM	99%	2018	~100%
2	Smart City	Nam Từ Liêm, Hà Nội	281	VHM	100%	2018	~100%
3	Grand Park	Q9, TP.HCM	272	VHM	100%	2019	~100%
4	Ocean Park 2&3	Văn Giang, Hưng Yên	754	VHM	100%	2022	~100%
5	Golden Avenue	Móng Cái, Quảng Ninh	116	VHM	100%	2023	85%
6	Royal Island	Vũ Yên, Hải Phòng	865	VIC	95%	2024	95%
7	Wonder City	Đan Phượng, Hà Nội	133	VIC	100%	2025	96%
8	Green City	Đức Hòa, Long An	197	VHM	67%	2025	17%
9	Golden City	Dương Kinh & Kiến Thụy, Hải Phòng	241	VHM	100%	2025	11%
10	Green Paradise	Cần Giờ, TP.HCM	2.870	VHM	100%	2025	0%
11	Làng Vàn	Liên Chiểu, Đà Nẵng	511	VPL	100%	2025	0%
12	Quang Hanh	Cẩm Phả, Quảng Ninh	167	VIC	99%	2026	0%
13	Mỹ Lâm	Tuyên Quang	455	VHM	66%	2026	0%
14	Apollo City	Quảng Yên & Hạ Long, Quảng Ninh	5.540	VHM-VIC	70%	2026	0%
15	Phước Vĩnh Tây	Cần Giuộc, Long An	1.090	VHM-VIG	100%	2026	0%
16	Tân Liễu	Bắc Giang	70	VIC	99%	2027 +	0%
17	Sân golf Léman	Củ Chi, TP.HCM	200	VHM	100%	2027 +	0%
18	IUT	Hóc Môn, TP.HCM	860	VHM	97%	2027 +	0%
19	Tân Mỹ	Đức Hòa, Long An	930	VHM	76%	2027 +	0%
20	Cam Ranh	Cam Ranh, Khánh Hòa	1.300	VHM-VinES	100%	2027 +	0%

Nguồn: VHM, SSI Research

Triển vọng và luận điểm đầu tư

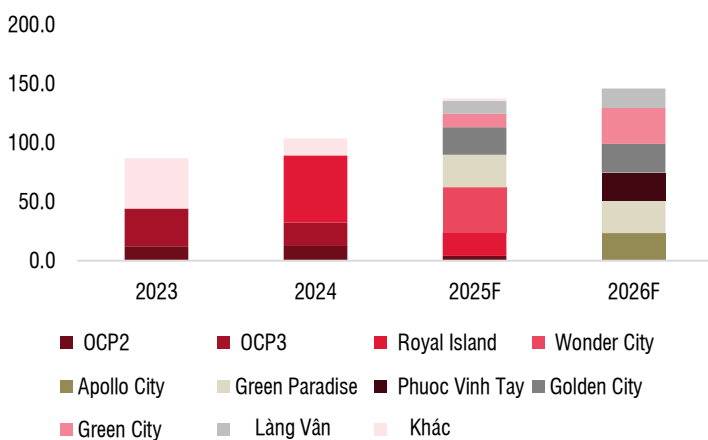
Trong nửa đầu năm 2025, VHM đã mở bán thành công một số dự án mới, gồm dự án Wonder City (mở bán tháng 3) đã bán được 96% số sản phẩm tính đến tháng 6, cùng Golden City và Green City (đều mở bán cuối tháng 6) ghi nhận tỷ lệ hấp thụ 27% trên số sản phẩm mở bán. Ngoài ra, Vinhomes đã khởi công Green Paradise (Long Beach Cần Giờ vào tháng 4) và Làng Vân (tháng 6) sớm hơn kỳ vọng của chúng tôi và dự kiến sẽ triển khai bán hàng tại hai dự án này trong nửa cuối năm 2025. Công ty giữ nguyên kế hoạch doanh số bán hàng cho cả năm 2025 ở mức 150-200 nghìn tỷ đồng (+44%-92% svck), nhờ cả giao dịch bán lẻ và bán lô lớn tại các dự án quy mô lớn sắp ra mắt cũng như các dự án đang triển khai.

Chúng tôi dự báo doanh số bán hàng năm 2025 của VHM đạt khoảng 137,6 nghìn tỷ đồng (+32% svck), chủ yếu đến từ Royal Island, Wonder City, Green City, Golden City, Green Paradise và Làng Vân. Năm 2026, doanh số bán hàng dự báo đạt 146 nghìn tỷ đồng (+6% svck), được hỗ trợ bởi Green City, Golden City, Green Paradise và các dự án mới dự kiến mở bán như Apollo City và Phước Vĩnh Tây.

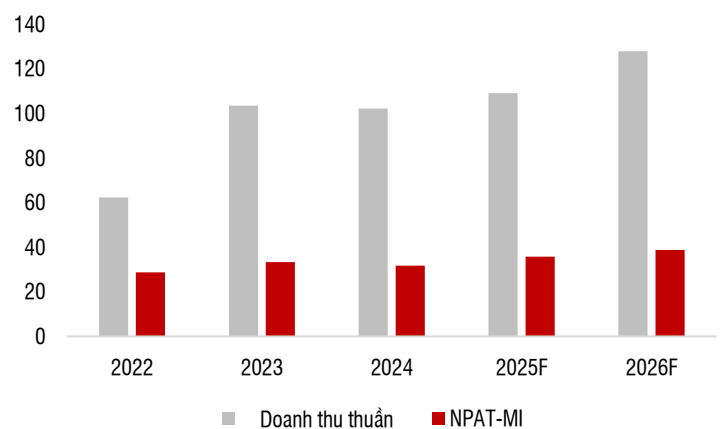
Chúng tôi kỳ vọng năm 2025, VHM sẽ đạt doanh thu 109,1 nghìn tỷ đồng (+6,6% svck) và NPATMI đạt 35,9 nghìn tỷ đồng (+12,8% svck), được đóng góp nhờ Ocean Park 2&3, Royal Island, Golden Avenue và các dự án khác. Sang năm 2026, VHM dự kiến đạt doanh thu 127,9 nghìn tỷ đồng (+17,3% svck) và NPATMI đạt 38,8 nghìn tỷ đồng (+8,3% svck) nhờ Royal Island, Wonder City, Green City, Golden City, Green Paradise và các dự án khác.

Cổ phiếu VHM đã tăng 60% trong 3 tháng qua nhờ một số yếu tố hỗ trợ: (i) Triển vọng bán hàng cải thiện nhờ mở bán các dự án quy mô lớn (Green Paradise và Làng Vân) và hoạt động bán hàng tích cực tại các dự án đang triển khai, (ii) Quỹ đất mở rộng nhờ nhiều dự án mới được phê duyệt (iii) Tâm lý tích cực đối với nhóm cổ phiếu liên quan đến Vingroup. Hiện VHM đang giao dịch ở P/E trượt 12 tháng là 13,6x, cao hơn mức trung bình 5 năm là 8,3x, và P/B 12 tháng qua là 1,9x, gần mức trung bình 5 năm là 2,0x. Chúng tôi hạ khuyến nghị đối với VHM từ **KHẢ QUAN** xuống **TRUNG LẬP**, với giá mục tiêu 1 năm là **98.300 đồng/cổ phiếu**.

Biểu đồ 3: Doanh số bán hàng của VHM giai đoạn 2023-2026 (nghìn tỷ đồng)



Biểu đồ 4: Lợi nhuận của VHM giai đoạn 2022-2026 (nghìn tỷ đồng)



Nguồn: VHM, SSI Research

Động lực ngắn hạn: Tích cực

- Doanh số bán hàng tăng tốc nhờ mở bán các dự án mới có quy mô lớn và đẩy mạnh hoạt động bán lô lớn trong nửa cuối 2025.
- Lợi nhuận nửa cuối 2025 cải thiện nhờ lượng backlog chưa ghi nhận lớn và ghi nhận doanh thu từ các giao dịch bán lô lớn.

Rủi ro chính:

- Việc mở bán dự án không đúng tiến độ có thể ảnh hưởng đến doanh số bán hàng.
- Nhu cầu yếu hơn tại các tỉnh/thành phố cấp 2 có thể ảnh hưởng đến tỷ lệ hấp thụ tại các dự án.

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	14.103	28.780	23.979	33.203
+ Đầu tư ngắn hạn	3.834	5.392	5.392	5.392
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	132.871	168.406	194.648	228.288
+ Hàng tồn kho	55.318	54.696	87.414	95.467
+ Tài sản ngắn hạn khác	36.215	28.205	29.942	35.035
Tổng tài sản ngắn hạn	242.341	285.479	341.376	397.384
+ Các khoản phải thu dài hạn	33.800	107.670	94.183	110.460
+ GTCL Tài sản cố định	11.671	14.622	19.508	21.050
+ Bất động sản đầu tư	17.037	16.916	16.246	15.851
+ Tài sản dài hạn dở dang	60.790	81.990	81.990	81.990
+ Đầu tư dài hạn	7.760	12.519	12.519	12.519
+ Tài sản dài hạn khác	71.231	45.012	47.017	54.850
Tổng tài sản dài hạn	202.290	278.730	271.465	296.721
Tổng tài sản	444.631	564.209	610.239	691.504
+ Nợ ngắn hạn	211.073	278.532	266.309	290.842
Trong đó: vay ngắn hạn	18.290	34.276	38.651	42.212
+ Nợ dài hạn	50.921	64.933	83.262	97.158
Trong đó: vay dài hạn	38.394	47.016	40.530	50.883
Tổng nợ phải trả	261.994	343.465	349.571	388.000
+ Vốn góp	43.544	41.074	41.074	41.074
+ Thặng dư vốn cổ phần	1.260	-6.756	-6.756	-6.756
+ Lợi nhuận chưa phân phối	133.392	167.206	203.070	241.910
+ Quỹ khác	4.441	19.220	22.909	26.905
Vốn chủ sở hữu	182.636	220.744	260.297	303.133
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	444.631	564.209	610.239	691.504

Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	1.517	-22.400	-190	-2.189
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-18.632	25.385	-2.500	-2.500
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	20.401	11.692	-2.111	13.913
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	3.286	14.677	-4.801	9.224
Tiền đầu kỳ	10.817	14.103	28.780	23.979
Tiền cuối kỳ	14.103	28.780	23.979	33.203

Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	1,15	1,02	1,28	1,37
Hệ số thanh toán nhanh	0,71	0,73	0,84	0,92
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,08	0,12	0,11	0,13
Nợ ròng / EBITDA	0,71	0,95	0,95	0,92
Khả năng thanh toán lãi vay	15,19	6,38	5,79	5,42
Ngày phải thu	60,9	69,2	59,8	51
Ngày phải trả	95,4	106,3	109,7	103
Ngày tồn kho	321,9	289,5	397,9	468,9

Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,41	0,39	0,43	0,44
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,59	0,61	0,57	0,56
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,43	1,56	1,34	1,28
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,31	0,37	0,3	0,31
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,1	0,16	0,15	0,14

Nguồn: VHM, SSI ước tính

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	103.557	102.323	109.122	127.980
Giá vốn hàng bán	-67.850	-69.356	-65.174	-71.177
Lợi nhuận gộp	35.707	32.967	43.948	56.803
Doanh thu hoạt động tài chính	19.954	26.844	20.212	14.575
Chi phí tài chính	-3.870	-10.487	-9.610	-11.298
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-3.663	-3.791	-3.774	-4.671
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-4.093	-4.593	-4.612	-5.404
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	44.045	40.943	46.168	50.008
Thu nhập khác	-735	-95	-101	-119
Lợi nhuận trước thuế	43.310	40.848	46.067	49.890
Lợi nhuận ròng	33.533	35.073	39.553	42.836
Lợi nhuận chia cho cổ đông	33.371	31.801	35.864	38.840
Lợi ích của cổ đông thiểu số	161	3.271	3.689	3.996
EPS cơ bản (VND)	7.664	7.742	8.732	9.456
Giá trị sổ sách (VND)	41.177	49.334	58.066	67.522
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	0	0	0	0
EBIT	46.363	48.437	55.676	61.188
EBITDA	47.799	50.238	56.932	62.542

Tăng trưởng				
Doanh thu	66,0%	-1,2%	6,6%	17,3%
EBITDA	14,0%	5,1%	13,3%	9,9%
EBIT	13,9%	4,5%	14,9%	9,9%
Lợi nhuận ròng	15,0%	4,6%	12,8%	8,3%
Vốn chủ sở hữu	23,0%	20,9%	17,9%	16,5%
Vốn điều lệ	0,0%	-5,7%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	22,9%	26,9%	8,2%	13,3%

Định giá				
P/E	5,6	5,2	11,2	10,3
P/B	1	0,8	1,7	1,4
Giá/Doanh thu	1,8	1,7	3,7	3,1
Tỷ suất cổ tức	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
EV/EBITDA	5,2	4,9	8,1	7,4
EV/Doanh thu	2,4	2,4	4,2	3,6

Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	34,5%	32,2%	40,3%	44,4%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	42,8%	44,7%	45,8%	44,2%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	32,4%	34,3%	36,2%	33,5%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	3,5%	3,7%	3,5%	3,6%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	4,0%	4,5%	4,2%	4,2%
ROE	20,3%	17,4%	16,4%	15,2%
ROA	8,3%	7,0%	6,7%	6,6%
ROIC	16,9%	15,4%	14,9%	14,3%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Phạm Lưu Hưng

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Chiến lược thị trường

Đào Minh Châu

Phó giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3824 2897 ext. 6732

Phân tích Ngành Bất động sản

Phạm Hoàng Bảo Nga

Trưởng nhóm phân tích

ngaphb@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8722

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8702